

QUY ĐỊNH

**Đánh giá, xét công nhận và công bố “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu”
tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018- 2020**

*(Kèm theo Quyết định số ~~2921~~ /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định đánh giá, xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018- 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Áp dụng cho các xã xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, công nhận

1. Công tác đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Các tiêu chí được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải bảo đảm đạt chuẩn theo yêu cầu nội dung của từng tiêu chí. Trong quá trình thực hiện, đánh giá xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải linh hoạt, vận dụng các tiêu chí cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và phù hợp với các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Việc đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu được tổ chức hàng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá. Các xã sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tiếp tục giữ vững và nâng cao kết quả thực hiện các tiêu chí.

Điều 3. Thẩm quyền xét công nhận và tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Một tiêu chí được công nhận đạt khi tất cả các chỉ tiêu và nội dung của tiêu chí đã đạt chuẩn.

Điều 4. Nội dung tiêu chí và phương pháp đánh giá

1. Tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo

1.1. Xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí sản xuất- thu nhập- hộ nghèo khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả.

- Thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hộ nghèo: Không có hộ nghèo (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do mắc bệnh hiểm nghèo*).

1.2. Phương pháp đánh giá:

1.2.1 Tổ chức sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả:

a) Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã:

+ Xác định, lựa chọn sản phẩm chủ lực (*có tên sản phẩm và vùng sản xuất tập trung*) và xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung của xã.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững khi: Trên địa bàn xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực thông qua hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu hai (02) chu kỳ thu hoạch và được sản xuất theo yêu cầu hợp đồng liên kết; giá thu mua sản phẩm không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm thu hoạch; không xảy ra hiện tượng phá vỡ hợp đồng liên kết.

+ Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh; có diện tích sản xuất tập trung từ 3 ha trở lên đối với sản xuất rau củ quả, từ 20 ha trở lên đối với sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao; quy mô đàn, sản lượng (*đối với chăn nuôi, thủy sản*) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (*gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã*) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi để đáp ứng yêu cầu: 100% diện tích sản xuất được cấp, tưới, tiêu, thoát nước chủ động và có áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; chất lượng nước sử dụng cho sản xuất: Đáp ứng quy định tại cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN08-MT:2015/BTNMT; Quản lý chất thải trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.

- Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm:

+ Không sử dụng chất cấm trong quá trình sản xuất.

+ Hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; sản phẩm an toàn VietGap, hữu cơ...

+ Hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm vi sinh vật trong sản phẩm trồng trọt không vượt mức giới hạn tối đa cho phép; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản và ô nhiễm vi sinh không vượt ngưỡng cho phép.

+ Đối với sản phẩm chủ lực của xã là mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, yêu cầu: gia súc, gia cầm phải được giết mổ tại cơ sở giết mổ được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Kinh doanh có hiệu quả: Sản phẩm chủ lực của xã có hiệu quả kinh tế cao (*gấp tối thiểu 02 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã tại cùng thời điểm đánh giá*) và có tiềm năng mở rộng.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu:

+ Cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với đặc thù thiên tai và phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu của địa phương.

+ Kỹ thuật sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu (*trong sử dụng phân bón, nước tưới,...*).

b) Xã có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Hợp tác xã tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012;

- Hợp tác xã có ít nhất 02 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã;

+ Hợp tác xã kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất hoặc 01 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 02 năm hoặc đánh giá, dự báo kết quả hoạt động cả năm đối với hợp tác xã mới thành lập dưới một năm.

- Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực.

1.2.2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu khi có thu nhập bình quân đầu người/năm cụ thể là: năm 2019 $\geq 68,25$ triệu đồng; năm 2020 ≥ 75 triệu đồng.

- Phương pháp tính thu nhập bình quân/người/năm:

Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã được tính bằng cách chia tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú (NKTTTT) của xã trong năm cho số NKTTTT của xã trong năm theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã} = \frac{\text{Tổng thu nhập của NKTTTT của xã trong năm}}{\text{NKTTTT(nhân khẩu thường trú) của xã trong năm}}$$

1.2.3. Không có hộ nghèo (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*):

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khi trên địa bàn xã không có hộ nghèo qua điều tra, rà soát định kỳ hàng năm (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016- 2020 (Theo Quyết định

số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020).

- Hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016- 2020. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm như sau:

+ Xác định, lập danh sách các hộ gia đình cần rà soát.

+ Tổ chức rà soát, lập danh sách phân loại hộ gia đình.

+ Tổ chức họp dân thống nhất kết quả rà soát.

+ Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 07 ngày làm việc;

+ Báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hộ nghèo do bệnh hiểm nghèo: Danh mục bệnh hiểm nghèo thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng: Quy trình xét bổ sung hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016- 2020.

1. 3. Hồ sơ minh chứng:

Mẫu 01 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và Ủy ban nhân dân xã.

(Mẫu 01. Đánh giá tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo)

2. Tiêu chí Giáo dục- Y tế - Văn hóa

2.1. Xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí giáo dục- y tế- văn hóa khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Giáo dục: Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 98% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 98% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên.

b) Y tế: Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

c) Văn hóa: Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa- văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

2. 2. Phương pháp đánh giá

2.2.1. Giáo dục: Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 98% trở lên (*Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến lớp trên tổng số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo trong toàn xã tại thời điểm đánh giá*); tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100% (*Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trẻ 6 tuổi được vào lớp 1 trên tổng số trẻ 6 tuổi trong toàn xã tại thời điểm đánh giá*); tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 98% trở lên (*Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học là tỷ lệ phần trăm (%) giữa trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên tổng số trẻ em 11 tuổi trong toàn xã tại thời điểm đánh giá*), số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi} \\ \text{15 đến 18 tuổi đang theo học} \\ \text{chương trình giáo dục phổ} \\ \text{thông hoặc giáo dục thường} \\ \text{xuyên cấp trung học phổ} \\ \text{thông hoặc giáo dục nghề} \\ \text{nghiệp (\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số thanh niên trong độ tuổi 15 -18 tuổi} \\ \text{trên địa bàn xã đang học chương trình} \\ \text{phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên} \\ \text{cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số thanh niên trong độ tuổi 15-} \\ \text{18 tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn} \\ \text{xã} \end{array}} \times 100$$

2.2.2. Y tế: Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên:

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (*theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020*).

- Dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên (*Dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe: Trạm y tế xã lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe và lập hồ sơ điện tử cho người dân trên địa bàn xã khi có đủ các điều kiện theo quy định*).

- Xã có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thể bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã. Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm bắt buộc hoặc bảo hiểm tự nguyện.

- Các giải pháp thực hiện đổi mới y tế cơ sở, tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe nhân dân theo Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và Phát triển mạng lưới y tế cơ sở.

2.2.3. Văn hóa: Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa- văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Mỗi xã lựa chọn mô hình văn hóa, thể thao, nghệ thuật truyền thống đặc thù phù hợp hoạt động thường xuyên để thu hút người dân tham gia sinh hoạt, giao lưu.

- Mỗi thôn lựa chọn đội hoặc câu lạc bộ văn hóa, văn hóa truyền thống, trò chơi dân gian độc đáo, các loại hình câu lạc bộ văn hóa...thu hút người dân tham gia, hoạt động thường xuyên để phát huy hiệu quả.

2. 3. Hồ sơ minh chứng:

- Mẫu 02 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và Ủy ban nhân dân xã.

- Báo cáo tình hình hoạt động theo các yêu cầu nêu trên của Trạm Y tế xã, có chữ ký của Trưởng Trạm Y tế xã và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về tình hình thực hiện các mô hình văn hóa-thể thao tiêu biểu của xã thời gian qua, trong đó cần đánh giá tình hình hoạt động của đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn hóa của các thôn trên địa bàn xã.

(Mẫu 02 Đánh giá tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa)

3. Tiêu chí Môi trường

3.1. Xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí môi trường khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.

- Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

- Có mô hình bảo vệ môi trường (*hợp tác xã, tổ hợp tác, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường*) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

- Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và bảo đảm bền vững.

3.2. Phương pháp đánh giá:

3.2.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên. Khi đảm bảo 100% chất thải rắn phát sinh được thu gom và 90% được phân loại, xử lý phù hợp; 50% chất thải sinh hoạt được phân loại và được áp dụng biện pháp xử lý phù hợp theo hướng tiết kiệm tài nguyên, bao gồm các nội dung sau:

- Thành lập tổ dịch vụ thu gom rác thải hoạt động theo cơ chế thị trường, hiệu quả, thường xuyên.

- Xây dựng, vận hành thường xuyên mô hình phân loại, theo phương pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

- Quy hoạch, xây dựng, củng cố lại các khu chôn lấp, điểm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật.

- Thiết lập hệ thống thu gom, đảm bảo 90% trở lên lượng bao bì, chai lọ nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thu gom, phân loại rác tại nguồn, khen thưởng các điển hình về phân loại rác tại nguồn.

3.2.2. Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến (*là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến trên tổng số tuyến đường xã, thôn*). Đảm bảo tăng tỷ lệ số hộ đã cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào với hiện trạng; tăng tỷ lệ bê tông/gạch hóa đường ngõ; 100% tỷ lệ nhà dân có bể tự hoại, đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường, cống, rãnh thoát nước; $\geq 70\%$ khu dân cư có rãnh thoát nước chung; $\geq 60\%$ nước thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT, bao gồm các nội dung sau:

- Đề xuất giải pháp công trình tăng tỷ lệ số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.

- Vận động chuyển đổi mô hình, có chế tài đối với các cơ sở chăn nuôi trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ số nhà dân có bể tự hoại, đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường, cống, rãnh thoát nước.

- Hệ thống thoát nước phải bảo đảm quy định tại QCVN 14:2009/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn.

- + 100% cống, rãnh thoát nước đầu tư xây dựng đáp ứng QCVN 14:2009/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn.

- + Số lượng cống, rãnh thoát nước cần sửa chữa, nâng cấp đáp ứng QCVN 14:2009/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn.

3.2.3. Có các mô hình bảo vệ môi trường (*hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường*) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng. Bao gồm các nội dung sau:

- Thành lập tổ dịch vụ thu gom rác thải hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng (*có đánh giá hiệu quả mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm, tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; Số liệu về câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường đang hoạt động, gồm: Số liệu câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đánh giá chương trình làm việc, hiệu quả thu hút sự tham gia của cộng đồng; số liệu về các phản ánh của cộng đồng dân cư, truyền thông về ô nhiễm môi trường tại địa phương được giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết*).

- Thành lập câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Có chương trình hoạt động, kinh phí thực hiện đảm bảo hiệu quả và thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

- Tối thiểu có 04 Chương trình được tổ chức hàng năm (tương ứng với các ngày lễ, ngày môi trường thế giới...); 100 (%) dân số/số hộ dân tham gia, tiếp cận được với thông tin và tự giác thực hiện việc giữ gìn vệ sinh môi trường tại nơi sinh sống và sản xuất.

3.2.4. Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; Đảm bảo 90% cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chế biến thực phẩm trong khu dân cư không gây ô nhiễm môi trường; 100% khu sản xuất, kinh doanh tập trung chăn nuôi ngoài khu dân cư không gây ô nhiễm môi trường với các nội dung chính sau:

- Vận động, hỗ trợ các hộ chăn nuôi có chuồng trại có hệ thống thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở và đơn đốc thực hiện các giải pháp khắc phục vi phạm.

- Đề xuất xây dựng khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, đảm bảo có hệ thống xử lý nước thải, chất thải tập trung theo yêu cầu bảo vệ môi trường.

3.2.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững: Đảm bảo 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững không gây ô nhiễm môi trường; các làng nghề thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường; Đề xuất được các điểm nóng cần tập trung cải thiện công tác bảo vệ môi trường; tăng tỷ lệ giải quyết các vụ việc về ô nhiễm môi trường tại địa phương; tăng số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chế biến thực phẩm, sản xuất nghề tiểu thủ công nghiệp, buôn bán phế liệu di dời ra các khu tập trung xa dân cư so với hiện trạng, tập trung vào các nội dung sau:

- Số liệu về các nguồn thải trên địa bàn xã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, tỷ lệ nguồn thải có các vi phạm về bảo vệ môi trường, tỷ lệ nguồn thải đã khắc phục các vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Số liệu về các cơ sở sản xuất trong làng nghề có xử lý chất thải, nước thải theo các quy định về bảo vệ môi trường, số làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động hiệu quả, hiện trạng môi trường tại các làng nghề.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở và đơn đốc thực hiện các giải pháp khắc phục vi phạm.

- Tăng cường hoạt động giám sát của cộng đồng, cải tiến hệ thống tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân; tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra; thường xuyên báo cáo các cấp về tình hình môi trường của địa phương.

- Có giải pháp để cải thiện môi trường làng nghề. Vận động các cơ sở, hộ gia đình hoạt động sản xuất kinh doanh có công đoạn gây ô nhiễm môi trường di chuyển ra các khu sản xuất tập trung xa khu dân cư. Đề xuất các sáng kiến cải thiện, xử lý môi trường làng nghề.

- Xây dựng quy trình về giải quyết các vấn đề nóng, điểm nóng, các vụ việc về ô nhiễm môi trường tại địa phương. Rút ngắn thời gian xử lý, không có khiếu kiện, phản ánh kéo dài của người dân và các phương tiện truyền thông về các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường.

- Lập kế hoạch, phương án bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu sản xuất tập trung theo quy định.

- Vận động, hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi, chế biến thực phẩm, sản xuất nghề thủ công nghiệp, buôn bán phế liệu di dời ra các khu tập trung xa dân cư.

- Các vấn đề môi trường, điểm nóng về môi trường tại địa phương (nếu có).

3.3. Hồ sơ minh chứng:

- Mẫu 03 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và Ủy ban nhân dân xã;

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về tình hình thực hiện các nội dung liên quan của tiêu chí môi trường quy định tại tiểu mục 3.2.4 và 3.2.5 của mục 3 về tiêu chí môi trường.

(Mẫu 03. Đánh giá tiêu chí Môi trường)

4. Tiêu chí An ninh trật tự- Hành chính công

4.1. Xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn tiêu chí an ninh trật tự- hành chính công khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- An ninh trật tự: Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm (ví dụ năm 2019 xét, công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu thì năm 2016 đến năm 2018 trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm).

- Hành chính công: Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách hành chính hiệu quả.

4.2. Phương pháp đánh giá:

4.2.1. Ba năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã:

- Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật như: Lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến các cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật môi trường, quản lý sử dụng đất đai... gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc này đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tụ tập khiếu kiện đông người, khiếu kiện không đúng thẩm quyền, vượt cấp trái pháp luật (trước thời điểm đề nghị xét, công nhận từ 36 tháng trở lên).

- Không có công dân thường trú ở xã phạm tội (kể cả trong và ngoài địa bàn).

- Trên địa bàn xã không để xảy ra trọng án, các vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các Điều 123,125,126; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các Điều 134,141,142,144,145,146,168,169,170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

- Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự quy định tại Thông tư số 23/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

4.2.2. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

- Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính: 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp xã được công khai theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả:

+ Xã đã tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong 03 (ba) năm liên tục trước năm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu từ 99% đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% đối với hồ sơ thủ tục hành chính liên thông được giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời hạn quy định; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung, bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

+ Xã đã tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4 đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, trong đó từ khi triển khai đến khi nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ của thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 5% trở lên đối với các xã; các hồ sơ trực tuyến được giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời hạn quy định.

+ Xã đã tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý kết quả đánh giá theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định này.

- Xã có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả: Xã đã tổ chức công khai thủ tục hành chính theo hình thức phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, ngoài các hình thức công khai bắt buộc theo quy định pháp luật hoặc đã triển khai áp dụng sáng kiến, giải pháp, mô hình mới trong hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ngoài các sáng kiến, giải pháp, mô hình phải triển khai theo quy định của pháp luật. Tính mới, hiệu quả của sáng kiến, giải pháp, mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính được xem xét trong quá trình xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018- 2020.

4. 3. Hồ sơ chứng minh:

- Mẫu 04 quy định tại Quyết định này đã ghi đầy đủ thông tin, có xác nhận của Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thẩm tra tiêu chí và Ủy ban nhân dân xã;

- Báo cáo của Trưởng Công an xã về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã trong 04 năm (*bao gồm năm đánh giá và 03 năm liền trước năm đánh giá*) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã;

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về công tác cải cách hành chính liên quan đến các nội dung quy định của chỉ tiêu hành chính công quy định tại tiểu mục 4.2.2 của mục 4 về Tiêu chí An ninh trật tự- Hành chính công.

Điều 5. Điều kiện đánh giá và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội theo từng lĩnh vực cụ thể

Xã được công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” nổi trội theo từng lĩnh vực cụ thể là xã đạt chuẩn các điều kiện của xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đã quy định tại Điều 4 tại quy định này và còn phải đạt chuẩn ít nhất 1 trong các tiêu chí nổi trội quy định cụ thể như sau:

1. Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo:

TT	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá
1	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn.	Xã nổi trội về tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Xã có mức thu nhập bình quân đầu người đạt mức quy định sau: - Năm 2019: ≥ 70 triệu đồng/người. - Năm 2020: ≥ 77 triệu đồng/người. 2. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã tham gia liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp và có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.
2	Trong 02 hợp tác xã, có ít nhất 01 hợp tác xã tham gia liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp và có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.	

2. Giáo dục - Y tế - Văn hóa:

TT	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá
1	Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo	Xã nổi trội về tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt 100%. 2. Có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 97\%$. 3. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu (<i>mỗi xã có thể lựa chọn mô hình văn hóa, thể thao, nghệ thuật truyền thống đặc thù phù hợp, thu hút từ 70% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia</i>). - Trên địa bàn xã không có hành vi, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. - 100% số thôn trên địa bàn xã đạt chuẩn về văn hóa hoặc vượt chuẩn các tiêu chí văn hóa trong lĩnh vực văn hóa.
2	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	
3	Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia	

3. Môi trường:

TT	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá
1	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	Xã nổi trội về tiêu chí Môi trường khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt $\geq 95\%$ và tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt $\geq 60\%$. 2. Tỷ lệ các tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến đạt $\geq 70\%$. 3. Tỷ lệ số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 95\%$.
2	Tỷ lệ các tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.	
3	Tỷ lệ số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	

4. An ninh trật tự - Hành chính công:

TT	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá
1	Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm.	Xã nổi trội về tiêu chí An ninh trật tự- Hành chính công khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Trong 04 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm. 2. Có tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính $\geq 95\%$. 3. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ của thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4 đạt $\geq 10\%$.
2	Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ của thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4.	

Điều 6. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (nổi trội)

1. Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện.
3. Có 100% chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo các nội dung quy định tại Điều 4 và đạt chuẩn thêm từ 1 tiêu chí quy định trở lên tại Điều 5 của Quy định này.
4. Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (nổi trội).

Thực hiện theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể các cấp

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý. Hàng năm, phối hợp các sở, ban, ngành thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và công bố xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phân giao nhiệm vụ phụ trách thẩm định và hướng dẫn các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu cụ thể là:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách chỉ tiêu sản xuất của tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo.

+ Cục Thống kê tỉnh phụ trách chỉ tiêu thu nhập của tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo.

+ Sở Lao động- Thương binh và Xã hội phụ trách chỉ tiêu hộ nghèo của tiêu chí Sản xuất- Thu nhập- Hộ nghèo.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách chỉ tiêu giáo dục của tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa.

+ Sở Y tế phụ trách chỉ tiêu Y tế của tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ tiêu Văn hóa của tiêu chí Giáo dục- Y tế- Văn hóa.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách các chỉ tiêu của tiêu chí môi trường.

+ Công an tỉnh phụ trách chỉ tiêu An ninh trật tự của tiêu chí An ninh trật tự- Hành chính công.

+ Trung tâm hành chính công của tỉnh chỉ tiêu Hành chính công của tiêu chí An ninh trật tự- Hành chính công.

- Ngoài ra các sở, ban ngành theo lĩnh vực được giao phụ trách có trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Thẩm định các tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020.

+ Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí liên quan thuộc ngành mình phụ trách để các địa phương triển khai thực hiện;

+ Thường xuyên cập nhật các văn bản quy định của các Bộ, ngành Trung ương để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) điều chỉnh, bổ sung các nội dung cho phù hợp với quy định của cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các địa phương trong việc thực hiện các nội dung của Quyết định này; chỉ đạo việc lồng ghép các nội dung thuộc đơn vị quản lý để thực hiện đầu tư hỗ trợ cho các xã xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chỉ tiêu,

tiêu chí theo quy định tại Quyết định này; Tổ chức phản biện và giám sát kết quả xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị liên quan và Ban Chỉ đạo xã, Ủy ban nhân dân, Ban Quản lý nông thôn mới các xã, Ban phát triển thôn thực hiện theo đúng các nội dung tại Quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (*nổi trội*) hằng năm theo đúng quy định.

- Phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện và hỗ trợ các xã trên địa bàn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của xã nông thôn mới kiểu mẫu; xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn theo quy định tại Quyết định này.

- Tổ chức rà soát đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cán bộ xã theo dõi, đôn đốc thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với nhiệm vụ chuyên môn; khi đạt đủ các tiêu chí theo quy định thì tổ chức đánh giá và xác lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu (*nổi trội*) theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, bất cập đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

Mẫu 01. Đánh giá tiêu chí Sản xuất – Thu nhập – Hộ nghèo

Mẫu 1.1. Đánh giá chỉ tiêu sản xuất xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày....tháng.....năm 20.....tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu tổ chức sản xuất của tiêu chí Sản xuất – Thu nhập – Hộ nghèo xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Tổ chức sản xuất	Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (nếu rõ kết quả đánh giá)	Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã (nếu rõ kết quả đánh giá)	+ Xác định, lựa chọn sản phẩm chủ lực và xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung của xã. + Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững + Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã có diện tích sản xuất từ 3ha trở lên đối với sản xuất rau củ quả, từ 20 ha trở lên đối với sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (<i>gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã</i>) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã. + Chất lượng nước sử dụng cho sản xuất đáp ứng quy định; Quản lý chất thải trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.	
	Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm (nếu rõ kết quả đánh giá)	Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm (nếu rõ kết quả đánh giá)	+ Không sử dụng chất cấm trong quá trình sản xuất; + Hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; sản phẩm an toàn VietGap, hữu cơ... + Hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm vi sinh vật trong sản phẩm trồng trọt không vượt mức giới hạn tối đa cho phép; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong các loại sản phẩm thịt, thủy sản và ô nhiễm vi sinh không vượt ngưỡng cho phép; + Đối với sản phẩm chủ lực của xã là mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, yêu cầu: gia súc, gia cầm phải được giết mổ tại cơ sở giết mổ được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền.	

		Kinh doanh hiệu quả (nêu rõ kết quả đánh giá)	Sản phẩm chủ lực của xã có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 02 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã tại cùng thời điểm đánh giá) và có tiềm năng mở rộng.	
		Thích ứng với biến đổi khí hậu (nêu rõ kết quả đánh giá)	+ Cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với đặc thù thiên tai và phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu của địa phương. + Kỹ thuật sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu (trong sử dụng phân bón, nước tưới,...).	
Có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá, số liệu HTX	- Ilopat xã tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012; - Hợp tác xã có ít nhất 02 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã; - Hợp tác xã kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất hoặc 01 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 02 năm; hoặc đánh giá, dự báo kết quả hoạt động cả năm đối với HTX mới thành lập dưới một năm. - Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực.		

- Đáng giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

- Kết luận (đạt/chưa đạt):.....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra
(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 1.2. Đánh giá chỉ tiêu về thu nhập xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20.....tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu thu nhập của tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Thu nhập bình quân đầu người/năm là:triệu đồng/người/năm (tại thời điểm đánh giá)	- Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. - Xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu khi có thu nhập bình quân đầu người/năm cụ thể là: năm 2019 $\geq 68,25$ triệu đồng; năm 2020 ≥ 75 triệu đồng.	

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra
(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 1.3. Đánh giá chỉ tiêu về Hộ nghèo xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20.....tại.....gồm có:
 1. Ông (bà).....chức vụ.....
 2. Ông (bà).....chức vụ.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu Hộ nghèo của tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Hộ nghèo													Kết luận (đạt/chưa đạt)
Chỉ tiêu	Tên thôn	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ	Tỷ lệ hộ nghèo	Trong đó								
					Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội		Hộ nghèo do mắc bệnh hiểm nghèo		Hộ nghèo do tai nạn, rủi do bất khả kháng		Hộ nghèo xét đạt chuẩn NTM kiểu mẫu		
					Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
Hộ nghèo	A												
	B												
Tổng cộng													

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Đánh giá chung:.....
- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....
- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra
 (Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....
 (Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 02. Đánh giá tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa

Mẫu 2.1. Đánh giá chỉ tiêu về Giáo dục xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20...tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu Giáo dục của tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Giáo dục	Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 98% trở lên	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 98% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra

(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 2.2. Đánh giá chỉ tiêu về Y tế xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20...tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu Y tế của tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Y tế	Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế;	- Nêu rõ số quyết định công nhận xã đạt y tế xã; - Hiện tại có/không đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT	Đạt	
	Dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên	Nêu rõ số tuyệt đối, và tính tỷ lệ %	Đạt	

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra
(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 2.3. Đánh giá chỉ tiêu về Văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20.....tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu Văn hóa của tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Văn hóa	Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia	- Nêu rõ số liệu, mô hình, tình hình hoạt động	Đạt	
	Mỗi thôn có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Có/không, nêu rõ đội Văn nghệ, câu lạc bộ văn hóa, tình hình hoạt động	Đạt	

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

- Kết luận (đạt/chưa đạt):.....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra

(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 03. Đánh giá tiêu chí Môi trường xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20...tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí Môi trường xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Môi trường	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ %	Đạt	
		Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ %	Đạt	
	Có các mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Có các mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Nêu rõ số liệu mô hình bảo vệ môi trường, đánh giá hiệu quả hoạt động cụ thể của từng mô hình và tình hình thu hút sự tham gia của cộng đồng	Đạt	

	Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ %	Đạt	
	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	Nêu rõ số liệu và tính tỷ lệ %	Đạt	

- Đáng giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra

(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 4. Đánh giá tiêu chí về An ninh trật tự - Hành chính công xã nông thôn mới kiểu mẫu

Mẫu 4.1. Đánh giá chỉ tiêu về An ninh trật tự xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày....tháng.....năm 20....tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu An ninh trật tự của tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
An ninh trật tự	Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm;	- Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	

- Đánh giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra

(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 4.2. Đánh giá chỉ tiêu về Hành chính công xã nông thôn mới kiểu mẫu

Hôm nay, ngày....tháng.....năm 20.....tại.....gồm có:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu **Hành chính công** của tiêu chí **An ninh trật tự - Hành chính công** xã nông thôn mới kiểu mẫu, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	Chỉ tiêu quy định	Kết luận (đạt/chưa đạt)
Hành chính công	Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá	Đạt	
	Có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả	Nêu rõ kết quả đánh giá và nêu rõ mô hình	Đạt	

- Đảng giá chung:.....

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).....

- Kết luận (đạt/chưa đạt).....

Đơn vị đánh giá, thẩm tra

(Ký tên và đóng dấu)

TM. UBND xã.....

(Ký tên và đóng dấu)